

Quy trình hạch toán trong mối quan hệ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

1.- Khi rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ, bán ngoại tệ NH nhập quỹ

1.a Nợ 1111/ Có 113 (Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ) (không cần biết ở ngân hàng nào)

1.b Nợ 113/ Có 112xxxx (Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ) (Phần hành tiền gửi lúc bấy giờ có thể đi chi tiết hóa (tiết khoản) tên ngân hàng/loại tiền gửi (Ở đây là VNĐ hoặc ngoại tệ)

2.- Khi nộp tiền mặt vào tiền gửi ngân hàng

2.a Nợ 113/ Có 1111 (Nộp tiền vào ngân hàng) (không cần biết ở ngân hàng nào)

2.b Nợ 1121xxxx/Có 113 (Phần hành tiền gửi lúc bấy giờ có thể đi chi tiết hóa (tiết khoản) tên ngân hàng/loại tiền gửi (Ở đây là VNĐ)

3.- Chuyển đổi giữa các loại tiền ở ngân hàng

Phân hệ tiền gửi - Phần hành tiền gửi ngân hàng (VNĐ - USD hoặc USD - FRF,...)

Chuyển đổi USD-FRF,.. gọi chung là ngoại tệ sang VNĐ trong cùng hệ thống ngân hàng hoặc ngân hàng khác nhau

3.1 Chuyển tiền VNĐ từ ngân hàng này qua ngân hàng khác, mua ngoại tệ.

3.1a Chứng từ/Sổ phụ ngân hàng đi hạch toán như sau :

Nợ 113/Có 112NH đi (Phần hành tiền gửi lúc bấy giờ có thể đi chi tiết hóa (tiết khoản) tên ngân hàng

3.1b Chứng từ/Sổ phụ ngân hàng đến (VND, ngoại tệ) hạch toán như sau :

Nợ 112 NH đến /Có 113 (Phần hành tiền gửi lúc bấy giờ có thể đi chi tiết hóa (tiết khoản) tên ngân hàng/loại tiền gửi

3.2 Chuyển tiền ngoại tệ sang ngân hàng khác, bán ngoại tệ.

3.2a Chứng từ/Sổ phụ ngoại tệ ngân hàng đi hạch toán như sau :

Nợ 113/Có 1122VCB(loại tiền ngoại tệ) (Phần hành tiền gửi lúc bấy giờ có thể đi chi tiết hóa (tiết khoản) tên ngân hàng/loại tiền gửi

3.2b Chứng từ/Sổ phụ VNĐ, ngoại tệ ngân hàng đến hạch toán như sau :

Nợ 1121VCB/Có 113 (Phần hành tiền gửi lúc bấy giờ có thể đi chi tiết hóa (tiết khoản) tên ngân hàng/loại tiền gửi (Ở đây là VNĐ)

SƠ ĐỒ HẠCH TOÁN QUAN HỆ TIỀN MẶT - TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

